

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 21-01-2022
V/v “Tranh chấp hợp mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hồng Hải.

Ông Lê Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Hoàng K, sinh năm: 1956.

Cư trú tại: ấp V, xã Đ, huyện C, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1954.

Cư trú tại: ấp V, xã Đ, huyện C, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Võ Hoàng K trình bày:

Vào tháng 4/2018 Âm lịch (sau đây viết tắt là AL), ông Võ Hoàng K có hợp đồng mua bán thức ăn tôm và dầu chạy máy cho ông Nguyễn Văn C để phục vụ nuôi tôm. Theo hợp đồng thì ông K sẽ giao thức ăn tôm và dầu chạy

máy cho ông C, đến khi ông C thu hoạch tôm thì trả đủ tiền cho ông K, khi hợp đồng thì chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã giao đầy đủ thức ăn tôm và dầu cho ông C, nhưng đến khi thu hoạch tôm thì ông C không trả tiền cho ông K. Đến ngày 16/05/2018 AL giữa ông K và ông C tổng kết sổ thì ông C nợ ông K số tiền 181.900.000 đồng và ông C có ký biên nhận nợ giao cho ông K.

Do ông C không có trả nợ cho ông K nên khi kết sổ ông C có cam kết trong 06 tháng là đến ngày 16/11/2018 AL không trả cho ông K thì phải chịu lãi suất là 01%/tháng, nếu trả cho ông K được 80.000.000 đồng thì trong 06 tháng không tính lãi, số tiền còn lại trả trong vòng 06 tháng tiếp theo thì ông K không tính lãi.

Vào ngày 28/02/2019 AL ông C trả cho ông K được 21.900.000 đồng số tiền gốc còn nợ lại là 160.000.000 đồng.

Nhưng khi đã hết thời hạn cam kết trả nợ cho ông K, thì ông C không trả tiền gốc và tiền lãi như đã cam kết, ông K có yêu cầu ông C trả nợ nhiều lần nhưng ông C chỉ hẹn và kéo dài cho đến nay.

Nay ông K yêu cầu ông C phải trả gốc và lãi như sau: lãi từ ngày hai bên tổng kết nợ là 16/5/2018 AL, chuyển sang ngày dương lịch là 29/6/2018 đến ngày 28/02/2019 AL, chuyển sang ngày dương lịch là 02/4/2019 (ngày ông C trả nợ gốc 21.900.000 đồng cho ông K) là 09 tháng 03 ngày, ông K yêu cầu tính lãi tròn 09 tháng trên nợ gốc 181.900.000 với lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, tính thành tiền là: $181.900.000 \times 01\% \times 09 \text{ tháng} = 16.371.000$ đồng; tiền lãi từ ngày 03/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21/01/2022 là 02 năm 09 tháng 18 ngày, ông K yêu cầu tính tròn là 02 năm 09 tháng (33 tháng) trên nợ gốc 160.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, tính thành tiền là: $160.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 01\% = 52.800.000$ đồng. Tổng cộng gốc và lãi ông C còn nợ ông K là 229.171.000 đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng, nợ lãi 16.371.000 đồng + 52.800.000 đồng = 69.171.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho ông K số tiền gốc và lãi 229.171.000 đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng, nợ lãi 69.171.000 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

- Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C thừa nhận có mua thức ăn tôm và dầu chạy máy của ông Võ Hoàng K như ông K trình bày. Do ông C không có tiền trả nợ cho ông K khi kết sổ, thì ông C có cam kết trong 06 tháng là đến ngày 16/11/2018 AL không trả cho ông K thì lãi suất phải chịu là 01%/tháng, nếu trả cho ông K được 80.000.000 đồng thì trong 06 tháng không tính lãi, số tiền còn lại trả trong vòng 06 tháng tiếp theo thì không tính lãi. Vào ngày 28/02/2019 AL ông C trả cho ông K số 21.900.000 đồng, còn nợ lại là 160.000.000 đồng gốc và lãi.

Ông C khai tại phiên tòa, nội dung thỏa thuận cam kết trả nợ ngày 16/5/2018 AL là do ông C tự tay viết, chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn C là do ông C tự ký và tự viết. Ông C viết cam kết có thỏa thuận lãi suất 01% là tính trên tháng, do ông K có hứa hẹn nếu ông C viết cam kết có ghi nợ gốc và lãi

suất, thì ông K sẽ đầu tư lại cho ông C nuôi tôm. Ông C vì hứa hẹn của ông K, nên đã viết cam kết trả nợ có thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng.

Nay ông C thống nhất trả nợ gốc cho ông K, không đồng ý trả nợ lãi, do ông K không đầu tư cho ông C như ông K hứa hẹn, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên ông C xin được trả dần, mỗi năm trả 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả hết nợ gốc cho ông K.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp V, xã Đ, huyện C, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền mua bán, do đó Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và dầu chạy máy giữa ông Võ Hoàng K và ông Nguyễn Văn C. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định có hợp đồng mua bán với nhau, nguyên đơn đã giao đủ số lượng hàng hóa cho bị đơn, bị đơn đã nhận đủ số lượng hàng hóa và đã sử dụng vào việc nuôi tôm. Xét tại thời điểm các bên hợp đồng mua bán với nhau có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 119, 398 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi, cụ thể từ ngày hai bên tổng kết nợ là 16/5/2018 AL, chuyển sang ngày dương lịch là 29/6/2018 đến ngày 28/02/2019 AL, chuyển sang ngày dương lịch là 02/4/2019 (ngày ông C trả nợ gốc 21.900.000 đồng cho ông K) là 09 tháng 03 ngày, ông K yêu cầu tính lãi tròn 09 tháng trên nợ gốc 181.900.000 với lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, tính thành tiền là: $181.900.000 \times 01\% \times 09 \text{ tháng} = 16.371.000$ đồng; tiền lãi từ ngày 03/4/2019

đến ngày xét xử sơ thẩm là 21/01/2022 là 02 năm 09 tháng 18 ngày, ông K yêu cầu tính tròn là 02 năm 09 tháng (33 tháng) trên nợ gốc 160.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, tính thành tiền là: $160.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 01\% = 52.800.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi ông C còn nợ ông K là 229.171.000 đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng, nợ lãi 16.371.000 đồng + 52.800.000 đồng = 69.171.000 đồng.

[5.1] Về yêu cầu bị đơn trả nợ gốc: trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn, dầu chạy máy, bị đơn và nguyên đơn đã tổng kết nợ vào ngày 16/5/2018 AL với số tiền gốc là 181.900.000 đồng và thỏa thuận trong vòng 06 tháng bị đơn trả 80.000.000 đồng, sau đó 06 tháng tiếp theo bị đơn phải trả 80.000.000 đồng, nhưng bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận, chỉ thanh toán được số tiền 21.900.000 đồng, còn nợ lại 160.000.00 đồng tiền gốc. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ 160.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng.

[5.2] Về yêu cầu bị đơn trả nợ lãi: tại phiên tòa ông K và ông C thống nhất khai nhận: vào ngày 16/5/2018 AL nguyên đơn và bị đơn tổng kết nợ với nhau, các bên có thỏa thuận về lãi suất, nếu bị đơn không trả nợ gốc như cam kết, thì phải chịu lãi 01%/tháng trên số nợ gốc chưa thanh toán. Ông C có trình bày ông K có hứa hẹn sẽ đầu tư lại cho ông C để buộc ông C viết cam kết trả nợ có nợ gốc và lãi suất. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông C viết cam kết là do ông K có hứa hẹn hay ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu không trả lãi của ông C. Xét lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 01%/tháng, tương đương là 12%/năm, đây là thỏa thuận lãi suất phù hợp, thấp hơn mức lãi suất được pháp luật quy định là 20%/năm. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với nguyên đơn, các bên đều có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, nên buộc bị đơn phải trả lãi trên số tiền gốc chậm trả.

[5.3] Về thời gian yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: từ ngày hai bên tổng kết nợ là 16/5/2018 AL, chuyển sang ngày dương lịch là 29/6/2018 đến ngày 28/02/2019 AL, chuyển sang ngày dương lịch là 02/4/2019 (ngày ông C trả nợ gốc 21.900.000 đồng cho ông K) là 09 tháng 03 ngày, ông K yêu cầu tính lãi tròn 09 tháng trên nợ gốc 181.900.000 với lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, tính thành tiền là: $181.900.000 \times 01\% \times 09 \text{ tháng} = 16.371.000 \text{ đồng}$; tiền lãi từ ngày 03/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21/01/2022 là 02 năm 09 tháng 18 ngày, ông K yêu cầu tính tròn là 02 năm 09 tháng (33 tháng) trên nợ gốc 160.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, tính thành tiền là: $160.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 01\% = 52.800.000 \text{ đồng}$. Xét khi tính lãi, nguyên đơn đã tính lãi trên nợ gốc bị đơn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đã đảm bảo quyền lợi của bị đơn. Nên việc ông K yêu cầu ông C trả lãi chậm trả trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 29/6/2018 đến ngày 02/4/2019: 16.371.000 đồng và từ ngày 03/4/2019 đến ngày 21/01/2022: 52.800.000 đồng,

tổng cộng là 69.171.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét ý kiến ông C đề nghị trả dần khoản nợ vay, ý kiến của ông C không được nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 357, Điều 398, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Võ Hoàng K.

1. Buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho ông Võ Hoàng K số tiền 229.171.000 (hai trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi một ngàn) đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng, nợ lãi 69.171.000 (sáu mươi chín triệu, một trăm bảy mươi một ngàn) đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí trong vụ án là 11.458.550 (mười một triệu, bốn trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi) đồng, bị đơn ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 11.458.550 (mười một triệu, bốn trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi) đồng; ông Võ Hoàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông K là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không thuộc trường hợp được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo bản án: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan